

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN L  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2021/HS - ST

Ngày: 26 - 11 - 2021

**N DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Nhật Thành.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Thành Công

Ông Kiên Ngọc Minh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đinh Văn Dư là Thư ký Tòa án nhân dân huyện L.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa:** Ông Cao Minh Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 58/2021/TLST - HS, ngày 08 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 169/2021/QĐXXST – HS, ngày 28 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2021/HSST-QĐ, ngày 12 tháng 11 năm 2021 đối với các bị cáo:

*Bị cáo thứ nhất:* Nguyễn Quốc N, sinh năm 2000 (Có mặt).

Nơi cư trú: ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Lớp 5/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn K, sinh năm 1972 và bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1976; Anh chị em ruột: Một người, sinh năm 1995; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: 01 lần, vào ngày 07/01/2021, Nguyễn Quốc N bị Công an huyện L, tỉnh Trà Vinh xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc (đã chấp hành đóng phạt). Bị bắt tạm giam ngày 29/8/2021 cho đến nay.

*Bị cáo thứ hai:* Trần Văn B, sinh năm 1979 (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện K, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Làm Ruộng; Trình độ học vấn: Lớp 10/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch Việt Nam; Con ông: Trần Văn N, sinh năm 1958 và bà Lê Thị H, sinh năm: 1958; Anh chị em ruột: Có 04 người, lớn nhất sinh năm 1976, nhỏ nhất sinh năm 1988; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: 01 lần, vào ngày 26/5/2020, Trần Văn B bị Công an huyện K, tỉnh Trà Vinh xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000

đồng về hành vi đánh bạc (đã chấp hành đóng phạt). Bị bắt tạm giam ngày 29/8/2021 cho đến nay.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lê Văn T, sinh năm 1987 (Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

2. Bà Lê Thị H, sinh năm 1958 (Có mặt)

Đồng nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện K, tỉnh Trà Vinh.

3. Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1997 (Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Trà Vinh.

4. Ông Lê Văn H, sinh năm 1965 (Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

5. Bà Huỳnh Ngọc T, sinh năm 1972 (Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

6. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1982 (Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Đồng nơi cư trú: ấp O, xã T, huyện L, tỉnh Trà Vinh.

7. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1962 (Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp T, xã A, huyện L, tỉnh Trà Vinh.

8. Bà Mai Thị S, sinh năm 1972 (Vắng mặt, không có lý do)

Nơi cư trú: ấp Đ, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ 00 ngày 18/02/2021, ông Lê Văn H đến nhà bà Phạm Thị B để thăm con bà B là Mai Văn U bị bệnh, khi ghé ông H thấy trong nhà đang tổ chức uống bia nên vào uống chung, lúc uống bia có khoảng 03 đến 04 trẻ em từ 11 đến 12 tuổi chơi đánh bài. Uống bia một lúc ông H nghỉ và đi lại chỗ mấy trẻ em đang chơi thì trẻ em nghỉ. Lúc này Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn N, bị cáo N và Lê Văn T đến nên ông H rủ chơi đánh bài thắng thua bằng tiền tất cả đồng ý. Bị cáo N, ông Thắng và ông T mỗi người một tụ, chơi thể loại bài cào 3 lá của bộ bài tây 52 lá số tiền cá cược thấp nhất 50.000 đồng và cao nhất là 200.000 đồng, mỗi người làm cái 3 ván xoay vòng. Ban đầu ông H tham gia ké vào các tụ; N ké theo tụ ông T, đánh bài một lúc thì ông H ngồi một tụ bài không tham gia ké nữa, lúc này ông T nghỉ không ngồi tụ, thì có bị cáo B đến tham gia ngồi một tụ; N tham gia ngồi một tụ. Thời điểm này các tụ bài như sau: N, bị cáo N, T, H và bị cáo B mỗi người một tụ, ngoài ra còn có bà Huỳnh Ngọc T ké tiền theo tụ bài của bị cáo N, bà Mai Thị S ké tiền theo tụ bài ông H, ông T ké theo tụ bài của N, mỗi người

làm cái 3 ván (khi N làm cái thì bị cáo N không đặt tiền và ngược lại bị cáo N làm cái thì N không đặt tiền; khi T làm cái thì bị cáo B không đặt tiền và ngược lại bị cáo B làm cái thì Thành không đặt tiền). Tất cả đánh bạc khoảng 04 đến 05 ván thì ông T, bà T và bà S nghỉ không đánh bạc nữa, ông T đi về trước, bà T, bà S tiếp tục ngồi xem đánh bạc, đến khoảng 14 giờ 15 phút, cùng ngày Công an xã T đến lập biên bản thì bị cáo B và bà S bỏ chạy thoát.

Qua làm việc bị cáo N, bị cáo B, ông T, anh N, ông H, bà T, ông T và bà S đã thừa nhận như sau:

- Đối với bị cáo N: Vào ngày 18/02/2021 bị cáo sử dụng 1.000.000đ (Một triệu đồng) để đánh bạc, khi Công an đến bị cáo xác định thua khoảng 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng), còn lại khoảng 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) bị cáo làm rơi mất trong lúc bỏ chạy xung quanh khu vực nhà bà B.

- Đối với bị cáo B: Vào ngày 18/02/2021 bị cáo sử dụng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) để đánh bạc, khi Công an đến bị cáo xác định thua 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng), còn lại 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) bị cáo cầm trên tay và bỏ chạy thoát.

- Đối với Lê Văn T: Ngày 18/02/2021 T sử dụng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) để đánh bạc (ngồi một tụ), khi Công an đến T thua hết 270.000 đồng (Hai trăm bảy mươi nghìn đồng), còn lại 730.000 đồng (Bảy trăm ba mươi nghìn đồng) tạm giữ trong số tiền tạm giữ tại vị trí các đối tượng đánh bạc.

- Đối với Nguyễn Văn N: Ngày 18/02/2021 N sử dụng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) để đánh bạc, ban đầu ké theo tụ bài của ông T, lúc sau ngồi một tụ, khi Công an đến N xác định thua hết 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng), còn lại 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) tạm giữ trong số tiền tạm giữ tại vị trí các đối tượng đánh bạc.

- Đối với Lê Văn H: Ngày 18/02/2021 ông H sử dụng 10.000 đồng (Mười nghìn đồng) để đánh bạc, ban đầu ké theo các tụ bài, lúc sau ngồi một tụ, khi Công an đến ông H xác định thắng nhưng không biết được số tiền cụ thể, số tiền của ông H tạm giữ trong số tiền tạm giữ tại vị trí các đối tượng đánh bạc.

- Đối với Huỳnh Ngọc T: Ngày 18/02/2021 bà T sử dụng 70.000 đồng (Bảy mươi nghìn đồng) để đánh bạc ké theo tụ bài của bị cáo N, thua hết 50.000 đồng (Năm mươi nghìn đồng) thì nghỉ, cất 20.000 đồng (Hai mươi nghìn đồng) vào túi, ngồi xem đến khi Công an đến.

- Đối với Nguyễn Văn T: Ngày 18/02/2021 ông T sử dụng 60.000 đồng (Sáu mươi nghìn đồng) để đánh bạc, ban đầu ngồi một tụ riêng, lúc sau ké theo tụ bài của N thua hết 60.000 đồng (Sáu mươi nghìn đồng) nên nghỉ ra về trước khi Công an đến.

- Đối với Mai Thị S: Ngày 18/02/2021 bà S sử dụng 80.000 đồng (Tám mươi nghìn đồng) ké theo tụ bài của ông Lê Văn H 04 đến 05 ván, kết quả không thắng thua và nghỉ trước khi Công an đến.

Tiền tạm giữ tại vị trí các đối tượng đánh bạc là 4.340.000 đồng (Bốn triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng), trong đó số tiền các đối tượng trình bày để lại tại chiếu bạc là 2.720.000 đồng (Hai triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng), số tiền còn lại Cơ quan điều tra không chứng minh được của người nào tuy nhiên tất cả đều thừa nhận số tiền 4.340.000 đồng (Bốn triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng) tạm giữ tại vị trí các đối tượng đánh bạc đều là tiền tham gia đánh bạc.

- Về vật chứng: trong quá trình điều tra Công an huyện L thu giữ:

+ Tạm giữ tại vị trí các đối tượng đánh bạc: Tiền Việt Nam: 4.340.000 đồng (Bốn triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng, chưa kiểm tra thật giả). Ngoài ra Huỳnh Ngọc T giao nộp số tiền tham gia đánh bạc 20.000 đồng; Gia đình bị cáo B giao nộp số tiền bị cáo B tham gia đánh bạc 200.000 đồng; riêng bà Mai Thị S chưa giao nộp lại số tiền 80.000 đồng.

+ 02 (hai) bộ bài tây loại 52 lá.

Ngoài ra Cơ quan điều tra còn thu giữ:

+ Tiền Việt Nam: 12.700.000 đồng (Mười hai triệu bảy trăm ngàn đồng, chưa kiểm tra thật giả). Bao gồm: Lê Văn T: tiền Việt Nam: 2.000.000 đồng; Nguyễn Văn N: tiền Việt Nam: 2.700.000 đồng; Huỳnh Ngọc T: Tiền Việt Nam: 8.000.000 đồng.

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Wave TAIWAN màu xanh, B số 84H1-1665 số máy: 150FMG02504948, số khung: VTADCG012TA005411, đã qua sử dụng. (của ông H)

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, SH 150i màu đỏ, B số 84L1-63514 số khung: RLHKF4216LY033191 và số máy: KF42E1041963, đã qua sử dụng. (của bà T)

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xanh, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, số IMEI: 353420114525341.(của bà T)

+ 01 (một) quyển tập học sinh Hưng Long loại 96 trang, có ghi hàng chữ 62-10; 62-10; 59-20; +59-20.

Tại bản cáo trạng số: 63/CT-VKS-CL , ngày 08 tháng 10 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L truy tố bị cáo Nguyễn Quốc N và bị cáo Trần Văn B về tội “Đánh bạc” được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Quốc N và bị cáo Trần Văn B hoàn toàn thống nhất với nội dung bản cáo trạng của cơ quan Viện kiểm sát nhân dân huyện L, và thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo như sau:

Vào khoảng 14 giờ 15 phút, ngày 18/02/2021 tại nhà của bà Phạm Thị B tọa lạc ấp O, xã T, huyện L, tỉnh Trà Vinh, các bị cáo Nguyễn Quốc N và Trần Văn B có hành vi đánh bạc được thua bằng tiền trái phép với Lê Văn T, Nguyễn Văn N,

Lê Văn H, Huỳnh Ngọc T, Nguyễn Văn T và Mai Thị S với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 4.640.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng) chưa đủ định lượng cấu thành tội phạm, nhưng các bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính mà còn vi phạm.

*Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Trà Vinh:* Sau khi phân tích các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Vị đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt các bị cáo Nguyễn Quốc N và Trần Văn B mỗi bị cáo từ 40.000.000 đồng đến 45.000.000 đồng. Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự trả tự do cho các bị cáo tại phiên tòa. Ngoài ra vị còn đề nghị xử lý vật chứng và buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Bị cáo Nguyễn Quốc N không nói lời sau cùng; Bị cáo Trần Văn B nhận thấy hành vi phạm tội của bị cáo là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm được trở về với gia đình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như ông T, anh N, ông H, bà T, bà T và ông T vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Riêng bà S đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự tại phiên Tòa vị đại diện viện kiểm sát, các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo có mặt tại phiên tòa,

không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3]. Lời nhận tội của các bị cáo Nguyễn Quốc N và Trần Văn B tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra thu thập được. Do vậy, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện L quyết định truy tố các bị cáo Nguyễn Quốc N và Trần Văn B về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự, là phù hợp với qui định của pháp luật, không oan, không sai.

[4]. Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; Bởi vì, việc đánh bạc trái phép được thua bằng tiền là một hình thức đánh bạc trái pháp luật bị Nhà nước nghiêm cấm, được quy định trong Bộ luật hình sự. Các bị cáo Nguyễn Quốc N và Trần Văn B là những người đã trưởng thành có đủ nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật; các bị cáo có sức khỏe để lao động tạo ra nguồn thu nhập phục cho bản thân và gia đình, nhưng không lo chí thú làm ăn, chỉ vì muốn thu lợi bất chính, không cần bỏ ra công sức lao động đã thực hiện hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền. Trong khi đó, vào ngày 07/01/2021, bị cáo N đã bị Công an huyện L, tỉnh Trà Vinh xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc và vào ngày 26/5/2020, bị cáo B đã bị Công an huyện K, tỉnh Trà Vinh xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc.

Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 09/QĐ-XPHC, ngày 07/01/2021 của Công an huyện L, tỉnh Trà Vinh xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc N số tiền 1.500.000 đồng, về hành vi đánh bạc trái phép và Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 52/QĐ-XPHC, ngày 12/6/2020 của Công an huyện K, tỉnh Trà Vinh xử phạt bị cáo Trần Văn B số tiền 1.500.000 đồng, về hành vi đánh bạc trái phép là đúng thẩm quyền, trình tự và thủ tục xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật. Đáng lẽ ra các bị cáo phải biết ăn năng hối cải để trở thành người có ích cho gia đình và xã hội, nhưng các bị cáo lại tiếp tục vi phạm. Cụ thể, vào ngày 18/02/2021, các bị cáo tiếp tục có hành vi đánh bạc được thua bằng tiền trái phép với Lê Văn T, Nguyễn Văn N, Lê Văn H, Huỳnh Ngọc T, Nguyễn Văn T và Mai Thị S với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 4.640.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng). Vì vậy, lần vi phạm này của các bị cáo đã cấu thành tội đánh bạc được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

[5]. Tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng nhưng các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm đã hoàn thành, hậu quả đã xảy ra, các bị cáo nhận thức được hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật, hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất an ninh trật tự tại địa phương làm ảnh hưởng đến tình hình hoạt động sinh sống của nhân dân; thực tế, đánh bạc được thua bằng tiền là một tệ nạn xã hội, là nguyên nhân của sự đói nghèo, dẫn đến nhiều loại tội phạm khác bị pháp luật nghiêm cấm. Từ việc tham gia đánh bạc mà nhiều con bạc đã lâm vào cảnh kinh tế khó khăn, nợ nần làm cho gia đình phát sinh mâu thuẫn dẫn đến tan vỡ hạnh phúc gây ra sự đói nghèo, làm hoang mang trong quần chúng nhân dân; hơn thế nữa, đánh bạc là nguyên nhân tạo nên gánh nặng cho xã hội, và gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Nhằm góp phần đấu tranh, ngăn ngừa những tệ nạn xã hội, Hội đồng xét xử phải xử phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo và tính chất của vụ án.

[6]. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử cũng cần xem xét: Sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Các bị cáo có nhân thân là người có công với cách mạng; hoàn cảnh gia đình của từng bị cáo có phần có khăn như bị cáo N có cha bị liệt không thể đi lại đã nhiều năm, bị cáo B có cha mẹ đã hết tuổi lao động, các bị cáo đều là lao động chính trong gia đình. Vì vậy, các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự. Thời gian tạm giam các bị cáo gần 02 tháng 28 ngày cũng đã phần nào cải tạo, giáo dục được các bị cáo; Do đó, không cần phải tiếp tục cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội, áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính cũng đủ cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[7]. Do đó ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ theo quy định của pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8]. Đối với những người tham gia đánh bạc trái phép gồm: Ông Lê Văn T, anh Nguyễn Văn N, ông Lê Văn H, bà Huỳnh Ngọc T, ông Nguyễn Văn T và bà Mai Thị S số tiền đánh bạc trái phép chưa đủ yếu tố cấu thành tội đánh bạc, nên cơ quan Công an huyện L đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Riêng số tiền đánh bạc 20.000 đồng do bà T giao nộp và 80.000 đồng bà S khai dùng vào việc đánh bạc đã được xử lý bằng các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Công an huyện L nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9]. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bà Lê Thị H đã sử dụng số tiền của cá nhân là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) để nộp tiền khắc phục do bị cáo Trần Văn B dùng vào việc đánh bạc thay cho bị cáo B. Tại phiên tòa bà H không yêu cầu bị cáo B trả lại số tiền nêu trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10]. Về vật chứng:

- 02 (hai) bộ bài tây loại 52 lá đã qua sử dụng là tang vật của vụ án tịch thu tiêu hủy.

- Tiền Việt Nam 4.540.000 đồng (*Bốn triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng*) dùng vào đánh bạc trái phép, tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Những tài sản và tiền không liên quan đến hành vi phạm tội được giao trả như sau:

+ Giao trả cho ông Lê Văn T số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng);

+ Giao trả cho anh Nguyễn Văn N số tiền 2.700.000 đồng (Hai triệu bảy trăm nghìn đồng);

+ Giao trả cho bà Huỳnh Ngọc T số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xanh, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, số IMEI: 353420114525341 và 01 (một) quyển tập học sinh Hưng Long loại 96 trang, có ghi hàng chữ 62-10; 62-10; 59-20; +59-20;

+ Giao trả cho ông Lê Văn H 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Wave TAIWAN màu xanh, B số 84H1-1665 số máy: 150FMG02504948, số khung: VTADCG012TA005411, đã qua sử dụng.

[10]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc N và bị cáo Trần Văn B phạm tội “Đánh bạc”.

- Căn cứ Điều 268 và Điều 269 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc N 45.000.000 đồng (*Bốn mươi lăm triệu đồng*), nộp vào ngân sách nhà nước.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

+ Xử phạt bị cáo Trần Văn B 45.000.000 đồng (*Bốn mươi lăm triệu đồng*), nộp vào ngân sách nhà nước.

**2.** Về biện pháp ngăn chặn: Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 125, Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, trả tự do cho bị cáo Nguyễn Quốc N và bị cáo Trần Văn B. Hủy bỏ Quyết định tạm giam số:



93/2021/HSST-QĐTG ngày 18/1/2021 đối với bị cáo N và Quyết định tạm giam số: 94/2021/HSST-QĐTG ngày 18/1/2021 đối với bị cáo B của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Trà Vinh.

**3. Về vật chứng:** Căn cứ điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy: 02 (hai) bộ bài tây loại 52 lá đã qua sử dụng.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà Nước 4.540.000 đồng (*Bốn triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng*).

- Giao trả cho ông Lê Văn T số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng);

- Giao trả cho anh Nguyễn Văn N số tiền 2.700.000 đồng (Hai triệu bảy trăm nghìn đồng);

- Giao trả cho bà Huỳnh Ngọc T số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xanh, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, số IMEI: 353420114525341 và 01 (một) quyển tập học sinh Hưng Long loại 96 trang, có ghi hàng chữ 62-10; 62-10; 59-20; +59-20;

- Giao trả cho ông Lê Văn H 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Wave TAIWAN màu xanh, B số 84H1-1665 số máy: 150FMG02504948, số khung: VTADCG012TA005411, đã qua sử dụng.

(*Các vật chứng này hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện L đang quản lý*).

**4. Về án phí:** Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 12 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Buộc các bị cáo Nguyễn Quốc N và Trần Văn B mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày án sơ thẩm tuyên. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

(Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi

hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự)/.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Nhật Thành**